

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-5-2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Lan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vương Thị Dung** và bà **Lương Thanh Kỳ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thuỳ Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Đức** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xét xử B – Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2025/TLST- HNGĐ ngày 26/02/2025, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Yến Q**, sinh năm 1992.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: KDC B, ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Q có đơn xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Yến Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện, bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2016. Hôn nhân là do hai bên tìm hiểu yêu thương nhau. Ngày 06/02/2017 mới đăng ký kết hôn số 03/2017 tại UBND xã N, huyện Đ. Cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung về tiền bạc nên thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn giữa con rể và cha mẹ vợ. Từ năm 2022 đến nay bà và ông H không còn chung sống với nhau. Từ lúc sống ly thân đến nay hai người mạnh ai nấy sống. Hiện nay bà không còn tình cảm yêu thương dành cho ông H nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn

H.

Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên là Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 25/7/2017. Bà Q thay đổi yêu cầu cấp dưỡng về nuôi con so với ban đầu khởi kiện, khi ly hôn bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Nhật H1, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn H không đến Tòa án để làm việc, đã xuống địa phương nhưng không ghi được lời khai của ông H.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập niêm yết họp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q. Về hôn nhân: Cho bà Q được ly hôn với ông H. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 25/7/2017 cho bà Q được nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do bà Q không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: Bà Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Bà Q yêu cầu ly hôn và nuôi con vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 26/02/2025, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc bà Q xin ly hôn với ông H. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà là nguyên đơn, ông H là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập niêm yết họp lệ, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Q và ông H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 03/2017, ngày 06/02/2017 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tại các biên bản xác minh ngày 19/3/2025, bản tự khai ngày 14/3/2025 thể hiện vợ chồng bà có mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nhau về tính tình, không có tiếng nói chung về tiền bạc kinh tế trong gia đình. Từ cuối năm 2022 bà Q dọn ra ngoài thuê nhà ở để kinh doanh và làm nghề trang điểm, từ đó đến nay 02 người không còn sống chung với nhau, bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống, không tự hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bà Q và ông H đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho bà Q được ly hôn với ông H.

- Về nuôi con chung: có 01 con chung Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 25/7/2017. Từ khi sống ly thân năm 2022 đến nay, bà Q là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà làm nghề trang điểm và buôn bán giày dép, thu nhập trung bình dao động khoảng 30.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện nuôi con. Ông H làm nghề tài xế, cũng có thu nhập, con hiện đang được đi học tại trường đầy đủ. Bên cạnh đó nguyện vọng của cháu H1 mong muốn được ở với mẹ. Để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao con chung cho bà Q nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho ông H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông H không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Yến Q.

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Yến Q được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Nhật H1, sinh ngày 25/7/2017 cho bà Trần Thị Yến Q được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời miễn cho ông H nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, ông H và bà Q có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Yến Q phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ bà Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014997 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà Q và ông H biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Ngọc Định, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, số 03/2017, ngày 06/02/2017 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

